

**DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM 4
NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2011-2012 - KHOA
VẬT LÝ**

(Danh sách kèm theo Quyết định số
...../QĐ-ĐHSP ngày
...../...../2012)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐT BH	Xếp loại học tập	Mức	Số tiền
1	K34.102.002	Vũ AnhThị Lan	02.12.90	4190	360.000	180.000	0.00
2	K34.102.010	Trư Châong uThị Lin h	09.08.90	4190	360.000	180.000	0.00
3	K34.102.012	Hoà Cônng gThạ ch	02.11.08	1080	300.000	150.000	0.00
4	K34.102.025	Lưu HiệSp	10.04.08	1080	300.000	150.000	0.00
5	K34.102.032	Bùi MaiThị	14.12.90	0080	300.000	150.000	0.00
6	K34.102.037	NguNgânyễn n c T h	19.09.90	4180	300.000	150.000	0.00
7	K34.102.038	Trầ Nghĩa ông	12.02.90	1810	360.000	180.000	0.00
8	K34.102.040	Trầ NhiYến	16.07.89	4180	300.000	150.000	0.00
9	K34.102.044	Phạ Phátiễn	20.04.90	4190	360.000	180.000	0.00
10	K34.102.050	NguPhur yễn ớc Lâ	28.09.90	1090	360.000	180.000	0.00

		m			
		Hữu			
11	K34 Vũ	Thú	23. 9.4180	300.150	
	.102Thị y	06.		000 0.00	
	.067	90		0	
12	K34Đoà Xuâ	01. 9.4190	360.180		
	.102n n	01.		000 0.00	
	.086Thị	90		0	
	Ánh				
13	K34Ngu Hà	19. 9.3890	360.180		
	.105yễn	10.		000 0.00	
	.007Thị	90		0	
	Thá				
	i				
14	K34Lê	Lợi	14. 9.6390	360.180	
	.105Hữu	03.		000 0.00	
	.016	90		0	
15	K34Ngu Nhà	12. 9.3884	300.150		
	.105yễn n	04.		000 0.00	
	.024Thị	89		0	
	Tha				
	nh				
16	K34Lê	Nhu	25. 10.084	300.150	
	.105Thị ng	09. 0		000 0.00	
	.026Tô	89		0	
17	K34Ngu Tâ	12. 10.084	300.150		
	.105yễn m	07. 0		000 0.00	
	.030Thị	88		0	
	Tha				
	nh				
18	K34Hò	Thô	13. 10.084	300.150	
	.105Thị ng	07. 0		000 0.00	
	.036	90		0	
19	K34Điề	Yến	07. 9.3884	300.150	
	.105n	11.		000 0.00	
	.049Thị	90		0	
	Hải				